

ACùng, TT 18/5 21/5

PTD

BỘ TÀI CHÍNH
CÔNG TY XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

92

Số: 34/VIETLOTT-TCKT
“V/v thực hiện việc công bố thông tin
của doanh nghiệp nhà nước”

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
CÔNG VĂN ĐẾN	
SỐ:	19686/21
NGÀY:	17.5.2018
CHUYỂN:	

Kính gửi: - Bộ Tài chính
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện các quy định về công bố thông tin tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, công ty Xổ số điện toán Việt Nam kính báo cáo về nội dung công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán (Đính kèm);

Kính báo cáo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch công ty (e-copy);
- P. TGD phụ trách;
- Kiểm soát viên (e-copy);
- Lưu: VT, TCKT (5b).

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Quang Huy

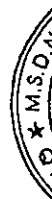
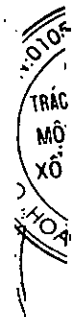


**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20
PHỤ LỤC: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Theo Mẫu số B02-XS - Ban hành kèm theo Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Điện toán Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1639/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 01 năm 2014)	I

Tầng 15, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Xổ số Điện toán Việt Nam (gọi tắt là "Công ty")
đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2017.

Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2017)

Phó Tổng Giám đốc phụ trách (Giao phụ trách ban điều hành
ngày 01 tháng 10 năm 2017)

Phó Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính 2023.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Thanh Dạm
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

Số: 488 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một Thành Viên Xổ số Điện toán Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Xổ số Điện toán Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018, từ trang 4 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Thủy Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0031-2018-001-1

Bùi Thị Mai Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 3829-2016-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.136.574.644.523	959.605.270.571
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	810.501.314.933	660.580.941.353
1. Tiền	111		510.501.314.933	60.580.941.353
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000.000	600.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300.000.000.000	283.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	300.000.000.000	283.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.416.286.112	3.299.499.397
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		151.933.334	153.467.742
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.358.562.802	27.798.879
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	14.905.789.976	3.118.232.776
IV. Hàng tồn kho	140		2.859.421.492	9.382.707.992
1. Hàng tồn kho	141	7	2.859.421.492	9.382.707.992
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.797.621.986	3.342.121.829
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	3.797.621.986	3.342.121.829
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.736.665.130	38.412.699.039
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.647.110.640	1.837.090.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	2.647.110.640	1.837.090.000
II. Tài sản cố định	220		25.363.082.710	17.537.891.961
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	20.731.626.332	15.233.211.992
- Nguyên giá	222		28.240.613.195	18.297.473.349
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.508.986.863)	(3.064.261.357)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	4.631.456.378	2.304.679.969
- Nguyên giá	228		5.936.067.313	3.147.046.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.304.610.935)	(842.366.031)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.127.545.454	3.763.636.364
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.127.545.454	3.763.636.364
IV. Tài sản dài hạn khác	260		19.598.926.326	15.274.080.714
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	19.598.926.326	15.274.080.714
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.186.311.309.653	998.017.969.610

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		637.989.329.397	606.073.494.218
I. Nợ ngắn hạn	310		634.614.329.397	606.073.494.218
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	123.194.802.406	125.644.030.703
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	61.171.459.307	108.519.828.959
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	92.469.520.011	267.817.944.302
4. Phải trả người lao động	314	15	15.252.368.845	5.311.646.738
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	329.244.668.215	55.912.079.286
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	9.567.090.909	40.074.853.756
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.275.980.577	2.730.401.447
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		438.439.127	62.709.027
II. Nợ dài hạn	330		3.375.000.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		3.375.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		548.321.980.256	391.944.475.392
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	548.321.980.256	391.944.475.392
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.629.804.652	5.780.660.049
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		216.692.175.604	86.163.815.343
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.186.311.309.653	998.017.969.610

Nguyễn Thị Bích Liên
Người lập biểu

Nguyễn Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Đạm
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

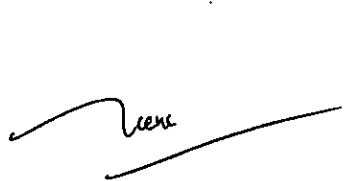
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

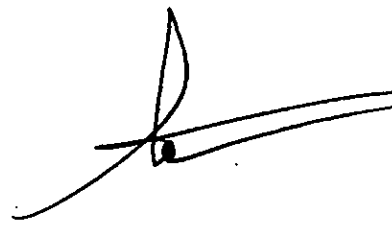
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

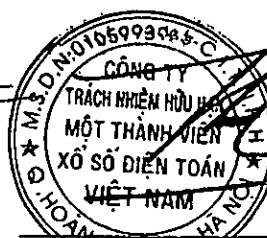
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	3.069.535.048.747	1.222.834.854.901
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		3.069.535.048.747	1.222.834.854.901
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	2.822.933.892.475	1.107.082.618.027
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		246.601.156.272	115.752.236.874
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	29.320.774.219	22.058.668.146
6. Chi phí tài chính	22		121.000	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	48.244.388.324	31.015.252.524
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-26)	30		227.677.421.167	106.795.652.496
9. Thu nhập khác	31	23	43.187.798.386	909.116.682
10. Chi phí khác	32		48	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		43.187.798.338	909.116.682
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		270.865.219.505	107.704.769.178
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	54.173.043.901	21.540.953.835
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		216.692.175.604	86.163.815.343



Nguyễn Thị Bích Liên
Người lập biểu



Nguyễn Anh Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Đạm
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

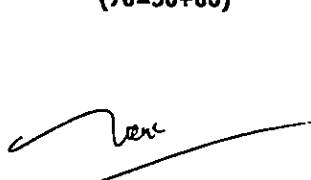
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

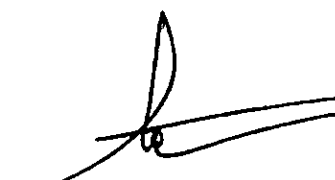
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	270.865.219.505	107.704.769.178
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.906.970.410	1.300.926.481
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(29.320.774.219)	(22.058.668.146)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	246.451.415.696	86.947.027.513
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.442.040.132)	3.457.456.912
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.523.286.500	(9.382.707.992)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	42.406.128.199	578.327.048.926
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.780.345.769)	(18.095.666.600)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(66.098.371.042)	(1.041.662.068)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.821.107.762)	(239.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	216.238.965.690	639.971.646.691
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(10.036.766.228)	(13.980.342.556)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(380.000.000.000)	(318.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	363.000.000.000	295.000.000.000
4. Thu lãi tiền gửi	27	17.836.006.996	20.154.638.146
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.200.759.232)	(16.825.704.410)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(57.117.832.878)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(57.117.832.878)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	149.920.373.580	623.145.942.281
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	660.580.941.353	37.434.999.072
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	810.501.314.933	660.580.941.353



Nguyễn Thị Bích Liên
Người lập biểu



Nguyễn Anh Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Đàm
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM

Tầng 15, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một Thành Viên Xổ số Điện toán Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn được thành lập theo Quyết định số 2933/QĐ-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105993965 sửa đổi ngày 12 tháng 10 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1688888868 ngày 20 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tầng 15, Tòa nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 177 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 121 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại hình sản phẩm xổ số tự chọn số điện toán và thực hiện các chức năng kinh doanh các loại hình trò chơi giải trí có thưởng khác theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các chi nhánh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Ngày thành lập
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 8, số 93-95 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tháng 2 năm 2016
Chi nhánh Cần Thơ	Tầng 3, số 14-16B, Đại lộ Hòa Bình, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Tháng 6 năm 2016
Chi nhánh Khánh Hòa	Số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Tháng 11 năm 2016
Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 04 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Tháng 11 năm 2016
Chi nhánh Hải Phòng	Tầng 6, toà nhà MB Hải Phòng, số 06 lô 30A đường Lê Hồng Phong, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Tháng 12 năm 2016

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho là công cụ, dụng cụ được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng và chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang thể hiện chi phí trực tiếp kinh doanh xổ số điện toán đã phát sinh tương ứng với số tiền bán vé thu được trong năm từ các sản phẩm xổ số có các kỳ quay thưởng thực hiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc khi phát sinh và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các kỳ quay thưởng được thực hiện và công bố.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Năm nay Số năm
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 06

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm các phần mềm dùng cho bộ phận văn phòng và bản quyền hệ điều hành máy chủ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian lần lượt là 3 năm và 6 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích quản trị được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí thi công sửa chữa, hoàn thiện văn phòng làm việc của Công ty, công cụ dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Số tiền thu được từ bán vé của các kỳ quay số mở thưởng sau ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán:

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán là toàn bộ tiền bán vé phát sinh trong năm từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định pháp luật đã xác định là tiêu thụ trong năm. Vé xổ số tự chọn số điện toán đã bán được xác định là tiêu thụ khi kỳ quay thưởng trên vé đã được thực hiện và công bố.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	83.879.796	45.307.991
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	510.417.435.137	60.535.633.362
Các khoản tương đương tiền	300.000.000.000	600.000.000.000
	810.501.314.933	660.580.941.353

Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống.

5. ĐẦU TƯ NẪM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng.

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	14.905.789.976	3.118.232.776
Phải thu lãi tiền gửi	14.572.999.999	3.088.232.776
Đặt cọc ngắn hạn	57.450.000	30.000.000
Phải thu khác	275.339.977	-
b. Dài hạn	2.647.110.640	1.837.090.000
Đặt cọc dài hạn	2.647.110.640	1.837.090.000
	17.552.900.616	4.955.322.776

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	769.210.669	-	627.184.100	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.090.210.823	-	8.755.523.892	-
	2.859.421.492	-	9.382.707.992	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.797.621.986	3.342.121.829
Công cụ, dụng cụ phân bổ ngắn hạn	3.054.517.289	3.342.121.829
Chi phí thuê Văn phòng	743.104.697	-
b) Dài hạn	19.598.926.326	15.274.080.714
Thi công sửa chữa, hoàn thiện văn phòng	5.701.329.890	1.046.539.340
Công cụ, dụng cụ phân bổ dài hạn	13.897.596.436	14.227.541.374
	23.396.548.312	18.616.202.543

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÃ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	111.067.281.990	305.984.605.173	(385.498.964.130)	31.552.923.033
Thuế tiêu thụ đặc biệt	78.277.237.944	455.694.292.887	(483.371.686.957)	50.599.843.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.506.707.361	54.173.043.901	(66.098.371.042)	8.581.380.220
Thuế thu nhập cá nhân	57.966.717.007	127.425.261.828	(183.656.605.951)	1.735.372.884
Các loại thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-
	267.817.944.302	943.285.203.789	(1.118.633.628.080)	92.469.520.011

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị	Phương tiện	Tổng cộng
	văn phòng	vận tải	VND
	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	17.177.077.894	1.120.395.455	18.297.473.349
Mua sắm	5.656.410.754	523.092.728	6.179.503.482
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	3.763.636.364	3.763.636.364
Số dư cuối năm	22.833.488.648	5.407.124.547	28.240.613.195
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.562.417.559	501.843.798	3.064.261.357
Khấu hao trong năm	3.798.030.575	646.694.931	4.444.725.506
Số dư cuối năm	6.360.448.134	1.148.538.729	7.508.986.863
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	14.614.660.335	618.551.657	15.233.211.992
Số dư cuối năm	16.473.040.514	4.258.585.818	20.731.626.332

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.356.932.237 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.356.932.237 đồng).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u> <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	3.147.046.000
Tăng trong năm	2.789.021.313
Số dư cuối năm	5.936.067.313
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	842.366.031
Khấu hao trong năm	462.244.904
Số dư cuối năm	1.304.610.935
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	2.304.679.969
Số dư cuối năm	4.631.456.378

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Mua sắm tài sản cố định	2.127.545.454	3.763.636.364

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>		<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Văn phòng điều hành dự án của Berjaya Corporation Berhad	95.373.183.347	95.373.183.347	76.877.137.824	76.877.137.824
Đại lý xổ số tự chọn số điện toán	10.250.185.198	10.250.185.198	30.310.496.114	30.310.496.114
Các nhà cung cấp khác	17.571.433.861	17.571.433.861	18.456.396.765	18.456.396.765
	123.194.802.406	123.194.802.406	125.644.030.703	125.644.030.703

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Số dư người mua trả tiền trước ngắn hạn thể hiện khoản tiền hạn mức nhận trước của đại lý xổ số tự chọn số điện toán để thực hiện hoạt động bán vé.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư khoản phải trả người lao động, người quản lý là chi phí tiền lương còn lại chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 trong quỹ tiền lương thực hiện được tính theo quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Một thành viên Xổ số điện toán Việt Nam đang chờ quyết định phê duyệt từ Bộ Tài chính cho giá trị quỹ tiền lương thực hiện của năm 2017.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Phải trả tiền trúng thưởng	322.323.863.500	55.611.645.500
Chi phí phải trả khác	6.920.804.715	300.433.786
	329.244.668.215	55.912.079.286

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh số tiền bán vé thu được phát sinh trong năm từ các sản phẩm xổ số có các kỳ quay số mở thưởng sẽ được thực hiện sau ngày kết thúc năm tài chính.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Vốn góp</u> <u>của chủ sở hữu</u> <u>VND</u>	<u>Quỹ Đầu tư</u> <u>Phát triển</u> <u>VND</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế</u> <u>chưa phân phối</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	5.761.127.092	65.109.856	305.826.236.948
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	86.163.815.343	86.163.815.343
Trích lập các quỹ	-	19.532.957	(65.109.856)	(45.576.899)
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	5.780.660.049	86.163.815.343	391.944.475.392
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	216.692.175.604	216.692.175.604
Trích lập các quỹ (I)	-	25.849.144.603	(29.045.982.465)	(3.196.837.862)
Nộp lợi nhuận về ngân sách nhà nước (I)	-	-	(57.117.832.878)	(57.117.832.878)
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	31.629.804.652	216.692.175.604	548.321.980.256

(I) Việc phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2016 được thực hiện theo công văn số 5580/BTC-TCNH ngày 28/4/2017; Báo cáo số 254/BC-VIETLOTT ngày 22/3/2017 và Quyết định số 465/QĐ-VIETLOTT ngày 25/5/2017. Theo đó, Công ty đã trích lập:

- Quỹ đầu tư phát triển, tương đương với 30% lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, tương đương với 3 tháng lương thực hiện bình quân của người lao động;
- Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, tương đương với 1,5 tháng lương thực hiện bình quân của người quản lý doanh nghiệp;
- Lợi nhuận còn lại của năm 2016 (sau khi trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp) được nộp vào ngân sách nhà nước.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được cấp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi	Vốn đã cấp	
		Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND
Bộ Tài chính	500.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000

Theo Quyết định số 2933/QĐ-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Điện toán Việt Nam, vốn Nhà nước cấp ban đầu là 300.000.000.000 đồng, phần còn lại được bổ sung trong quá trình hoạt động kinh doanh từ Quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh Xổ số tự chọn số điện toán		
Doanh thu có thuế xổ số tự chọn số điện toán đã phát hành	3.843.021.870.000	1.597.065.600.000
Doanh thu có thuế xổ số tự chọn số điện toán đã mở thưởng	3.881.614.190.000	1.546.370.910.000
Các khoản thuế gián tiếp tính trên doanh thu có thuế xổ số tự chọn số điện toán đã phát hành	805.059.917.430	334.563.149.407
Doanh thu chưa có thuế xổ số tự chọn số điện toán đã phát hành	3.037.961.952.570	1.262.502.450.593
Doanh thu chưa có thuế xổ số tự chọn số điện toán đã mở thưởng	3.068.469.715.413	1.222.427.596.837
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.065.333.334	407.258.064
Tổng doanh thu chưa có thuế hoạt động kinh doanh	3.069.535.048.747	1.222.834.854.901

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí trả thưởng	2.076.699.164.500	827.726.291.000
Hoa hồng đại lý xổ số tự chọn số điện toán	310.529.135.200	123.709.672.800
Phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số tự chọn số điện toán	1.055.412.331	365.340.602
Bù đắp chi phí đầu tư	83.882.334.696	33.417.335.132
Phí lợi nhuận định mức	53.606.273.324	21.355.852.903
Chi phí kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán	297.161.572.424	100.508.125.590
	2.822.933.892.475	1.107.082.618.027

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh lãi tiền gửi phát sinh trong năm từ các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại.

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	18.808.954.602	13.114.445.963
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.758.046.545	1.241.247.148
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.043.343.385	1.059.400.287
Thuế, phí và lệ phí	38.865.364	4.652.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	24.595.178.428	15.595.507.126
	48.244.388.324	31.015.252.524

23. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giải Jackpot của sản phẩm Mega 6/45 không có người lĩnh thưởng	37.930.392.500	-
Thu nhập khác	5.257.405.886	909.116.682
	43.187.798.386	909.116.682

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	270.865.219.505	107.704.769.178
Thu nhập chịu thuế	270.865.219.505	107.704.769.178
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.173.043.901	21.540.953.835

Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	11.954.719.612	7.317.345.169

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.296.593.880	9.365.163.873
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.010.407.438	15.594.300.325
	25.307.001.318	24.959.464.198

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền mà Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng trụ sở chính Công ty và các chi nhánh. Các hợp đồng thuê được ký từ 2 tháng đến 3 năm.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của người quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm như sau:

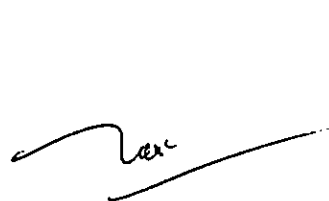
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương	2.101.144.896	1.153.132.098

27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

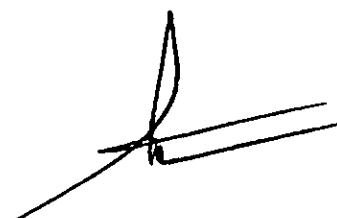
Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 14.572.999.999 đồng (năm 2016: 3.088.232.776 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

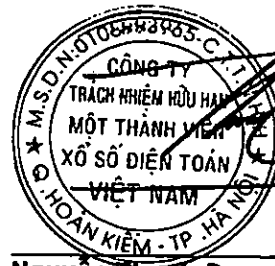
Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 6.301.905.304 đồng (2016: 5.242.601.283 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Bích Liên
Người lập biểu



Nguyễn Anh Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Đạm
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

PHỤ LỤC: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(THEO MẪU SỐ B02-XS - BAN HÀNH KÈM THEO CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHO
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM ĐƯỢC BỘ TÀI CHÍNH
CHẤP THUẬN THEO CÔNG VĂN SỐ 1639/BTC-CĐKT NGÀY 27 THÁNG 01 NĂM 2014)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
1. Doanh thu có thuế xổ số tự chọn số điện toán đã phát hành	01	3.843.021.870.000	1.597.065.600.000
2. Doanh thu có thuế xổ số tự chọn số điện toán đã mở thưởng	02	3.881.614.190.000	1.546.370.910.000
3. Thuế tính trên doanh thu có thuế xổ số tự chọn số điện toán đã phát hành	03	805.059.917.430	334.563.149.407
3.1. Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	04	349.365.624.545	145.187.781.818
3.2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	05	455.694.292.885	189.375.367.589
4. Doanh thu chưa có thuế xổ số tự chọn số điện toán đã mở thưởng (06=07+08)	06	3.068.469.715.413	1.222.427.596.837
4.1. Doanh thu xổ số tự chọn số theo ma trận	07	2.916.882.079.050	1.147.235.272.727
4.2. Doanh thu xổ số tự chọn số theo dãy số	08	151.587.636.363	75.192.324.110
5. Doanh thu thuần kinh doanh khác	11	1.065.333.334	407.258.064
6. Tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh (12=06+11)	12	3.069.535.048.747	1.222.834.854.901
7. Chi phí kinh doanh (13=14+15)	13	2.822.933.892.475	1.107.082.618.027
7.1. Chi phí trả thưởng và dự phòng trả thưởng	14	2.076.699.164.500	827.726.291.000
7.2. Chi phí trực tiếp kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán	15	746.234.727.975	279.356.327.027
8. Lợi nhuận gộp (20=12-13)	20	246.601.156.272	115.752.236.874
8.1. Lợi nhuận gộp từ kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán (20.1=06-14-15)	20.1	245.535.822.938	108.497.540.247
8.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác (20.2=11)	20.2	1.065.333.334	407.258.064
9. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29.320.774.219	22.058.668.146
10. Chi phí tài chính	22	121.000	-
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	48.244.388.324	31.015.252.524
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25)	30	227.677.421.167	106.795.652.496
13. Thu nhập khác	31	43.187.798.386	909.116.682
14. Chi phí khác	32	48	-
15. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	43.187.798.338	909.116.682
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	270.865.219.505	107.704.769.178
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	54.173.043.901	21.540.953.835
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	216.692.175.604	86.163.815.343

Nguyễn Thị Bích Liên
Người lập biểu

Nguyễn Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Dạm
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Ngày 28 tháng 02 năm 2018